CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Ngày 30/09/2024	9,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.0%	**-**	**-4.4%**

DT thuần
Q3/24
116
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 20.3| 20.8%
YoY: ▲ 18.3| 18.3%

LN thuần
Q3/24
4.68
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.11| 31.0%
YoY: ▼1.01| -17.8%

LN sau thuế
Q3/24
3.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.18| 5.2%
YoY: ▲ 0.28| 8.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
4.5%
YoY: +/-▲ 0.1%

ROE (TTM)
Q3/24
2.1%
YoY: +/-▲ 0.1%

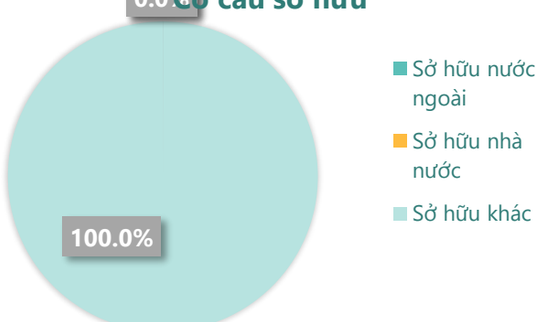
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,075 - 13,108
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	115
Số lượng CPLH (CP)	12,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	545
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.12
EPS	324
P/E	28.4

DT thuần
9T 2024
267
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.0| 9.1%

LN thuần
9T 2024
3.62
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.19| -58.9%

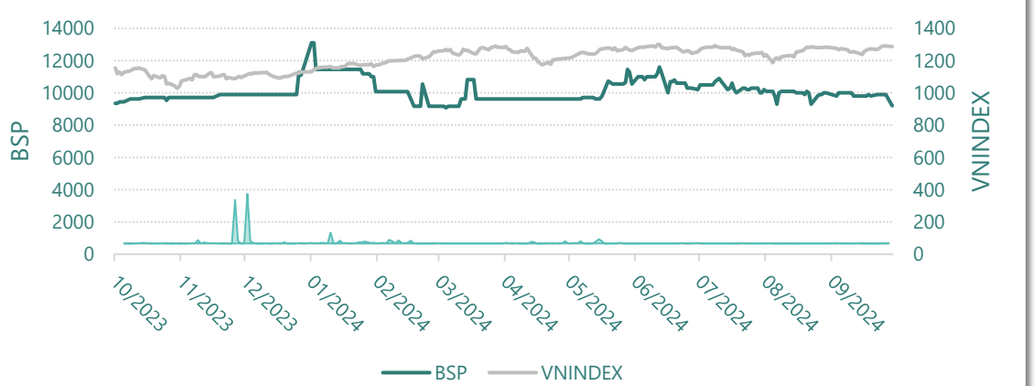
LN sau thuế
9T 2024
2.68
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.04| -27.8%

Cơ cấu sở hữu

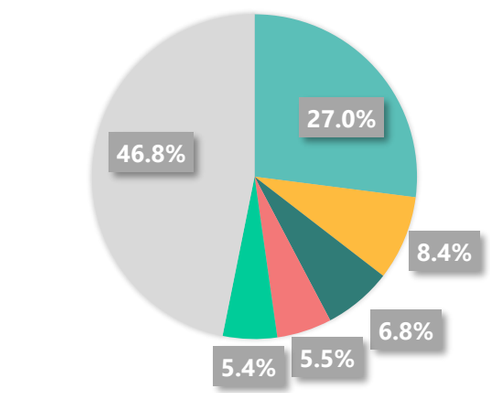


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

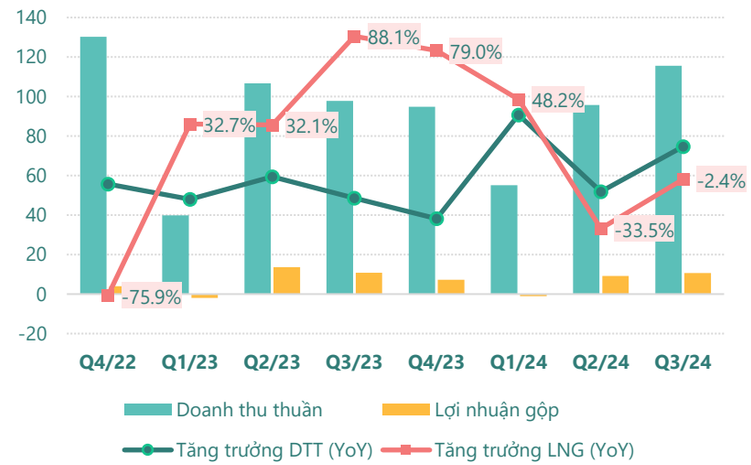


- Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn
- Võ Sỹ Dởng (Thành viên HĐQT)
- CTCP Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
- Lê Hoài Thanh (Thành viên HĐQT)
- Vũ Hoài Sơn
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

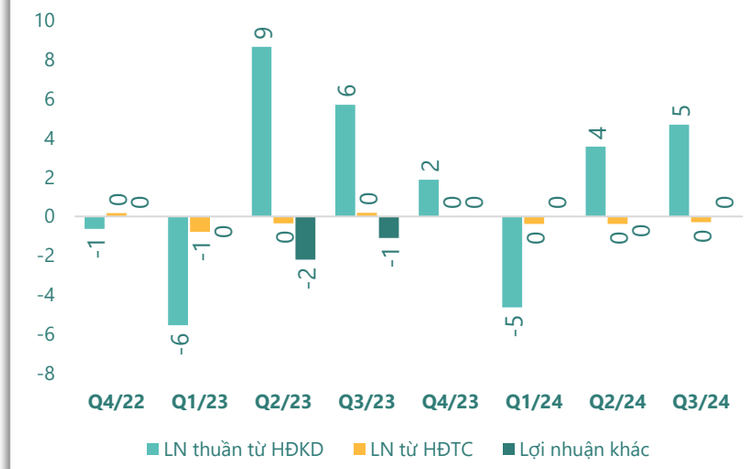
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



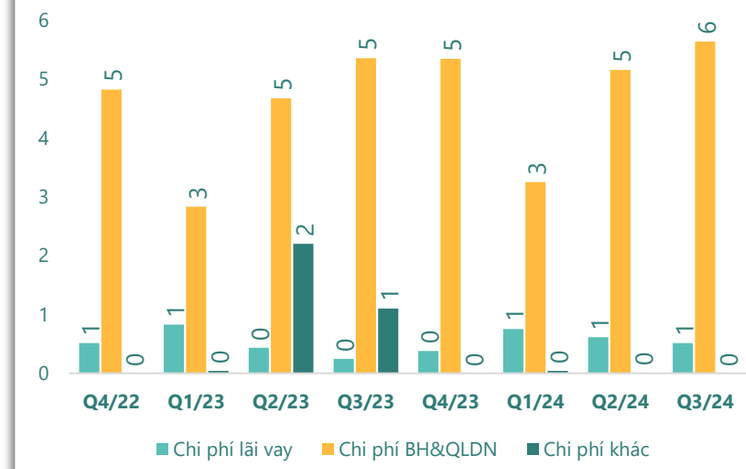
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



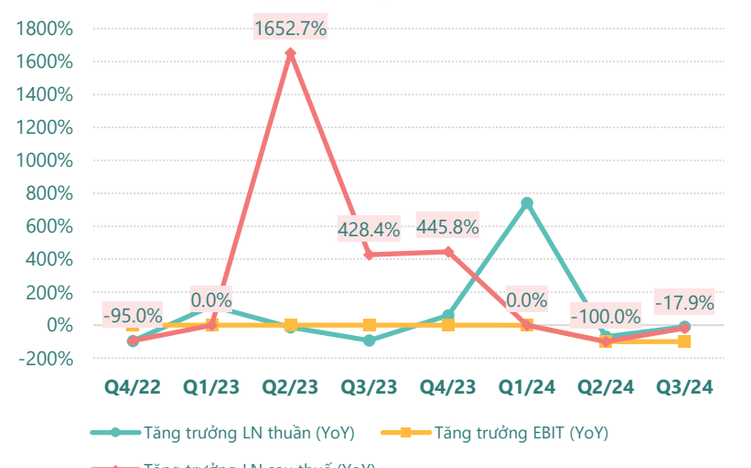
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



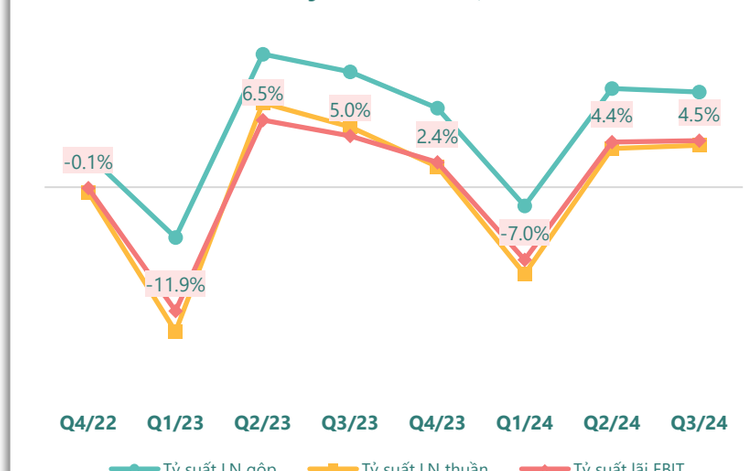
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



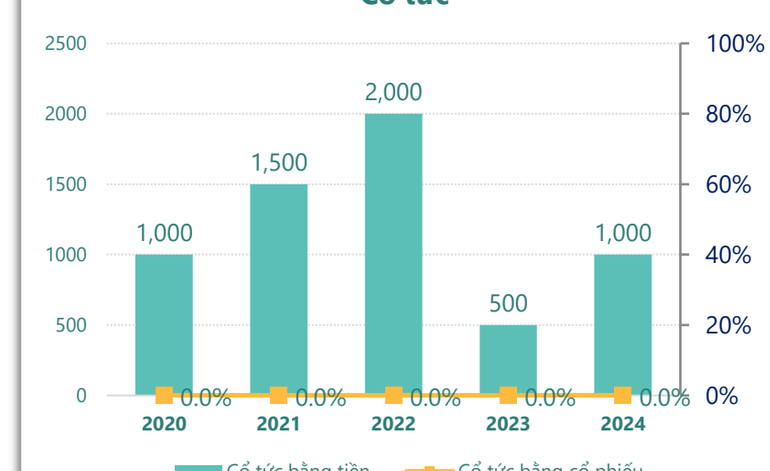
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

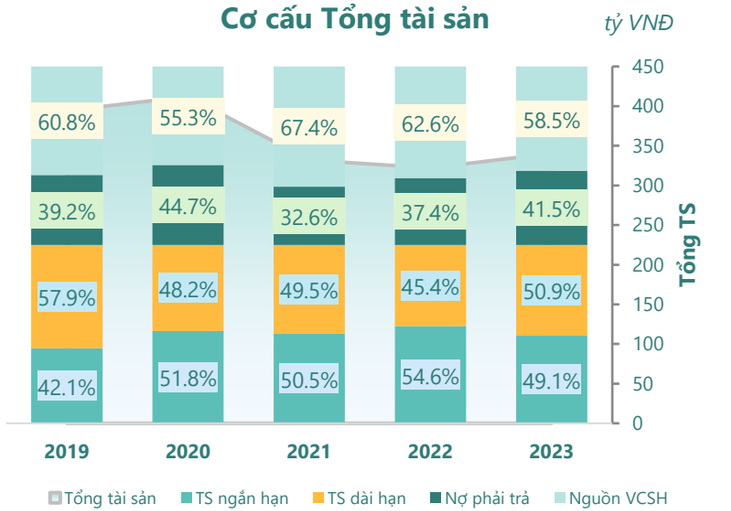
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

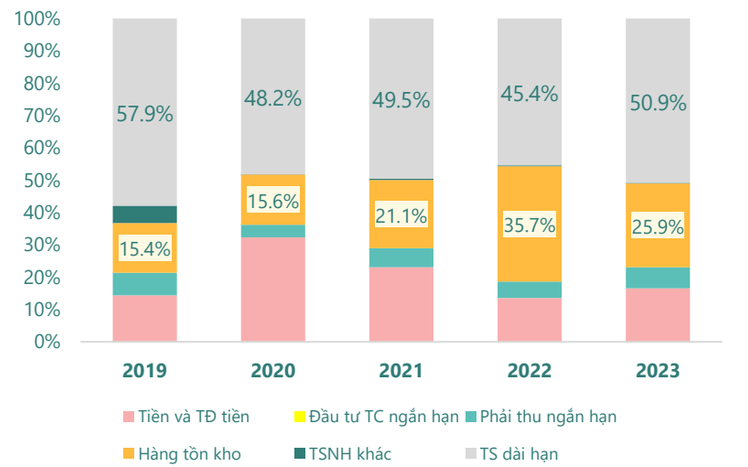
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



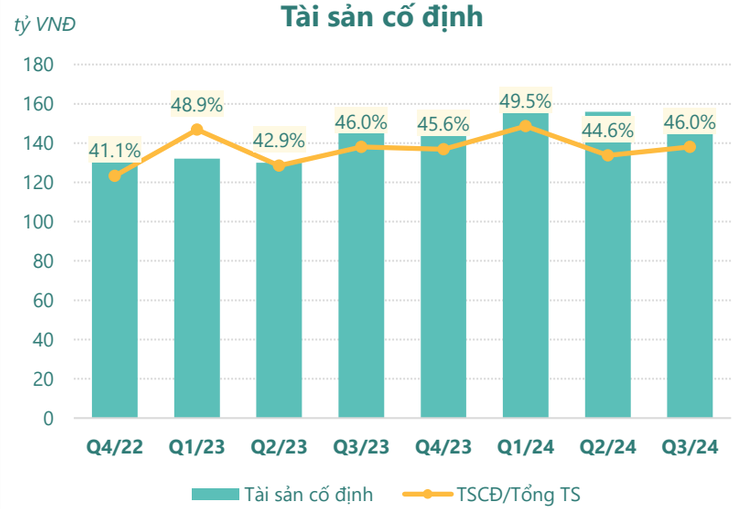
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



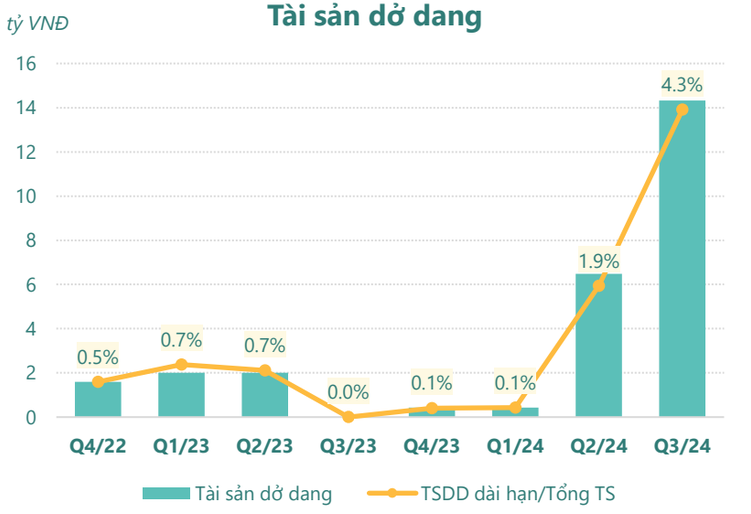
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



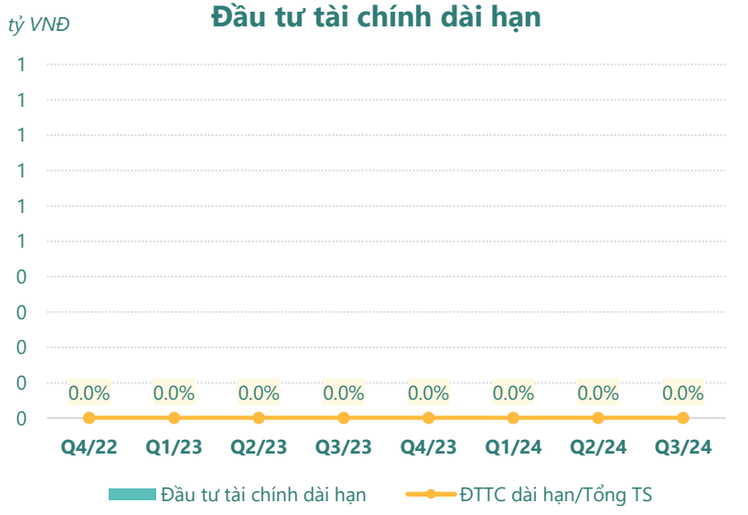
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



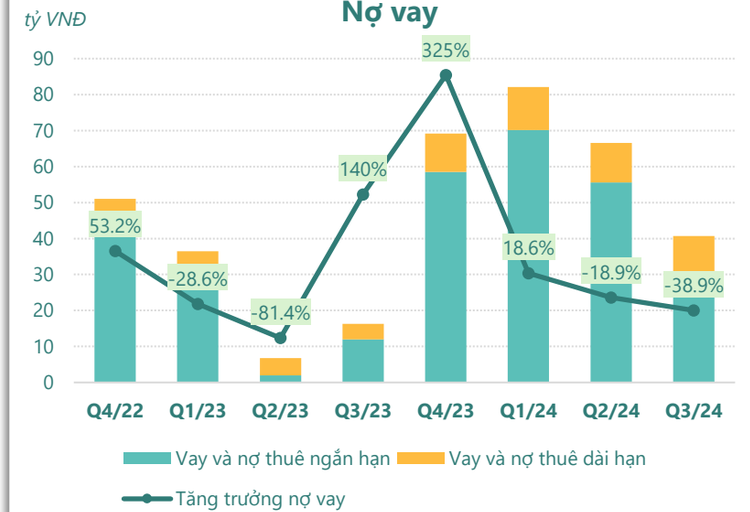
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

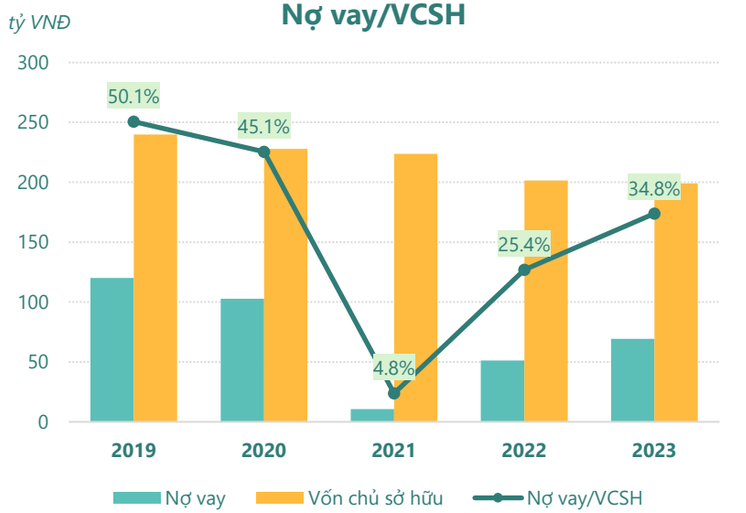
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

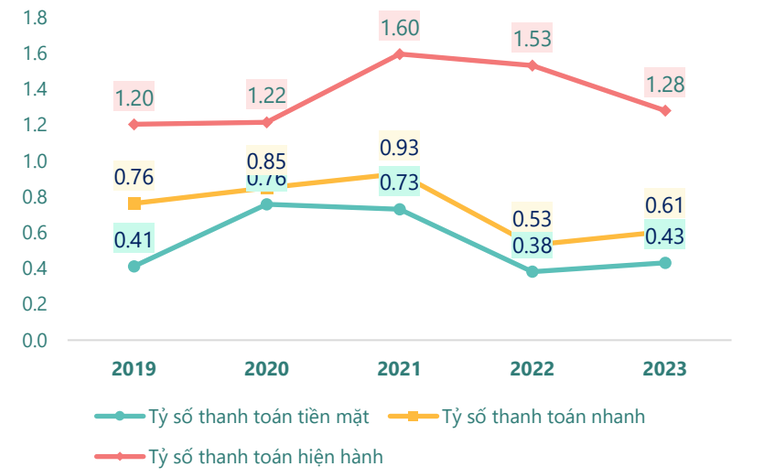
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



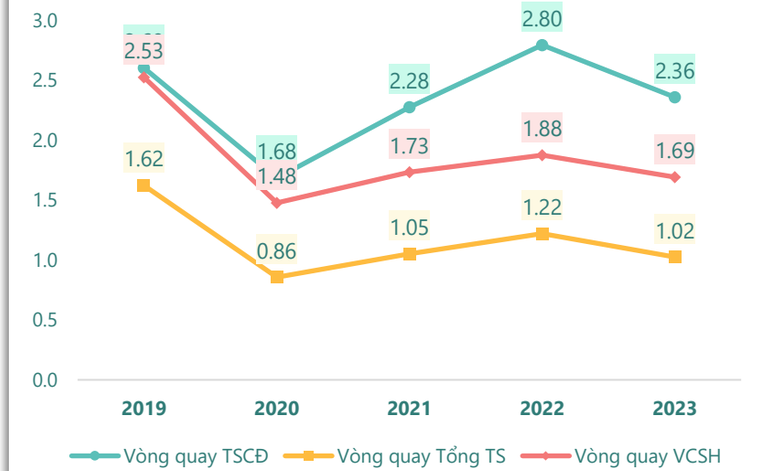
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



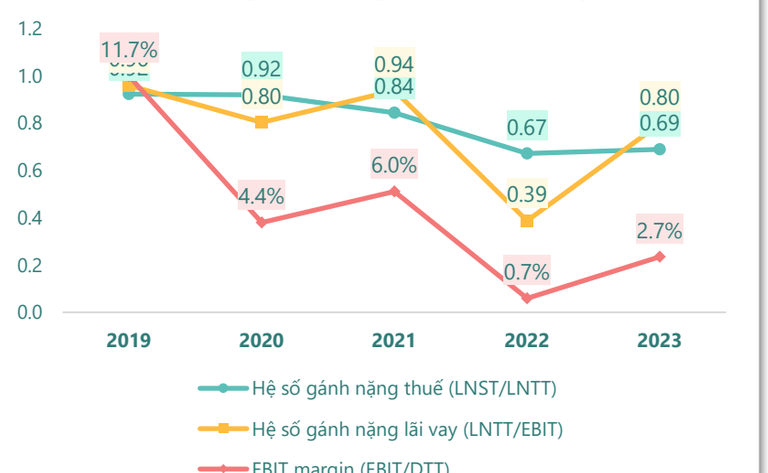
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



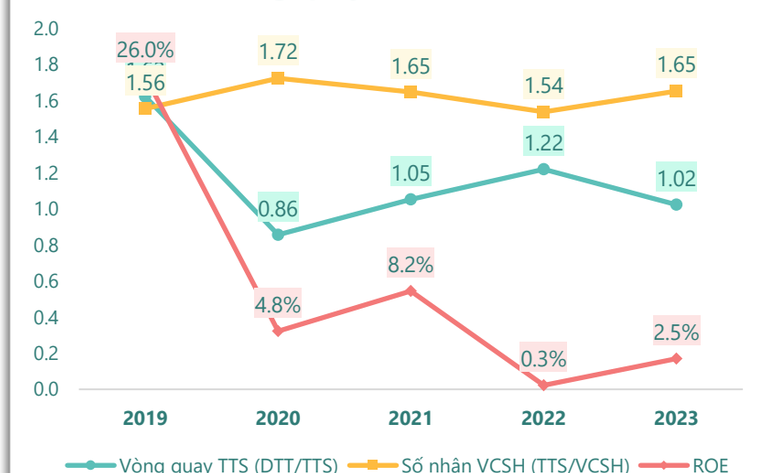
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



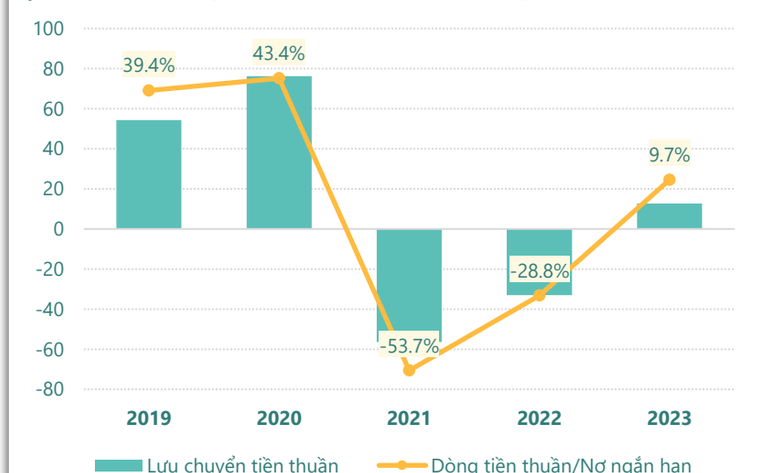
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**116**	**97.7**	**18.3%**	**267**	**244**	**9.1%**
Giá vốn hàng bán	105	86.9	20.8%	248	222	11.8%
Lợi nhuận gộp	10.6	10.9	-2.6%	18.7	22.6	-17.3%
Doanh thu HĐTC	0.22	0.43	-47.9%	0.84	0.57	49.4%
Chi phí TC	0.52	0.24	115%	1.88	1.50	25.1%
Chi phí lãi vay	0.52	0.24	115%	1.88	1.50	25.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.60	0.45	32.8%	1.29	0.80	62.0%
Chi phí QLDN	**5.04**	**4.91**	**2.7%**	**12.8**	**12.1**	**5.7%**
LN thuần từ HĐKD	4.68	5.69	-17.8%	3.62	8.81	-58.9%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-1.10**	**100%**	**0.00**	**-3.33**	**100%**
LN trước thuế	4.68	4.60	1.8%	3.62	5.48	-33.9%
Lợi nhuận sau thuế	**3.74**	**3.46**	**8.2%**	**2.68**	**3.72**	**-27.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.74**	**3.46**	**8.2%**	**2.68**	**3.72**	**-27.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	90.9	20.9	-56.4	-10.1	35.8	33.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.36	-14.6	-7.92	-6.89	-13.2	-10.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-29.9	3.49	52.9	12.9	-26.0	-28.7
Tiền đầu kỳ	5.37	58.0	67.9	56.4	52.3	48.9
Lưu chuyển tiền thuần	**52.7**	**9.85**	**-11.5**	**-4.14**	**-3.41**	**-5.83**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	58.0	67.9	56.4	52.3	48.9	43.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**330**	**340**	**-3.1%**
Tài sản ngắn hạn	145	167	-13.1%
Tiền và tương đương tiền	43.0	56.4	-23.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	35.7	22.1	61.6%
Hàng tồn kho	66.1	88.0	-24.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.40	0.70	-42.2%
Tài sản dài hạn	**184**	**173**	**6.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	152	155	-2.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	14.3	0.43	3206%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**18.4**	**17.5**	**5.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	142	141	0.9%
Nợ ngắn hạn	**132**	**131**	**1.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30.6	58.5	-47.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.4	15.9	-16.0%
Nợ dài hạn	10.1	10.7	-5.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	10.1	10.7	-5.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**187**	**199**	**-6.0%**
Vốn chủ sở hữu	**187**	**199**	**-6.0%**
Vốn điều lệ	125	125	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)